TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2026
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Trị.
2. Ông Trần Minh Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hưởng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị Trương Nhật T, sinh ngày 06/10/1997 (có mặt);

Số CCCD: 052197015962;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn*: Anh Ngô Cao T1, sinh ngày 01/07/1997 (vắng mặt);

Số CCCD: 052097001191;

HKTT: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai;

Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã T, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trương Nhật T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Cao T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Ngày 08/3/2023, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã T, tỉnh Gia Lai). Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau cách sống cũng như tư tưởng về chuyện tiền bạc, con cái. Gia đình hai bên có dàn xếp để hàn gắn nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống từ tháng 11/2025 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Trương Nhật T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Cao T1.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa xem xét.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Ngô Cao T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Nhật T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã T, tỉnh Gia Lai) ngày 08/3/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà của anh tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là thôn A, xã T). Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn khoảng từ tháng 4, 5 năm 2025. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống về chuyện con cái. Chị T bỏ đi từ tháng 11/2025 cho đến nay. Sau khi chị T bỏ đi, anh T1 có nhiều lần gặp chị T để hàn gắn nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T có yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Trương Nhật T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Nhật T được ly hôn anh Ngô Cao T1; Về con chung: chưa có nên miễn xét; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét; Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Cao T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Nhật T và anh Ngô Cao T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã T, tỉnh Gia Lai) vào ngày 08/3/2023 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 5 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chính do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về vấn đề kinh tế và con cái. Gia đình hai bên có dàn xếp, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng phần ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau từ tháng 11/2025 cho đến nay. Mặt khác, khi chị T gửi đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 không đến Tòa, vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Nhật T không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trương Nhật T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005756 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Nhật T được ly hôn với anh Ngô Cao T1.

2. Về con chung: Chị Trương Nhật T và anh Ngô Cao T1 chưa có con chung nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Nhật T không yêu cầu Tòa án nên không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Nhật T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005756 ngày 28/11/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai thu. Chị T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Nhật Thư có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Cao Tài vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4 – Gia Lai;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Gia Lai;
- UBND xã Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Phương Thảo